

Số: 32/2020/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 02 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 351/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 383, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lâm Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 66, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Thanh H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 13/36, đường số 11, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lâm Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tăng Thanh V, sinh năm 1955.

Địa chỉ: số 66, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lâm Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 20/6, Bộ đội An Điền, ấp 3, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Lâm Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số C11/16E, Nữ Dân Công, ấp 3, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Lâm Thanh T và Lâm Thanh T cùng ủy quyền cho Lâm Thanh T).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lâm Văn T đồng ý chia cho Lâm Thanh T, Tăng Thanh V, Lâm Thanh T, Lâm Thanh T (gọi tắt là: những người thừa kế của ông Lâm Văn B) diện tích 269m² (thuộc một phần thửa số 435 và 436) các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M1 theo sơ đồ đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Ông Lâm Văn T yêu cầu nhận diện tích 1.714,2 m² (thuộc một phần thửa số 435 và 436) các mốc M5, M6, M8, M9, M10, M12, M13, M14, M5 theo sơ đồ đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

2.2. Anh Lâm Thanh T, bà Tăng Thanh V, chị Lâm Thanh T, Chị Lâm Thanh T đồng ý nhận diện tích 269m² (thuộc một phần thửa số 435 và 436) theo các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M1 theo sơ đồ đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Đồng ý để cho ông Lâm Văn T nhận 1.714,2 m² (thuộc một phần thửa số 435 và 436) các mốc M5, M6, M8, M9, M10, M12, M13, M14, M5 theo sơ đồ đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

2.3. Ông Lâm Văn T không yêu cầu chia thửa đất số 435, 436, tờ bản đồ số 01a, ông T không có tranh chấp thửa đất số 435, 436, trường hợp có là di sản của ông Lâm Văn S, ông T cũng từ chối nhận.

Đề nghị UBND huyện Châu Thành thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa A 550139, số vào sổ 01504/QSDD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn S ngày 17/05/1995 để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn T và những người thừa kế của ông Lâm Văn B.

Ông Lâm Văn T và những người thừa kế của ông Lâm Văn B được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo quyết định là sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/6/2020; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản ngày 14/01/2020).

2.4. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Ông Lâm Văn T đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 6.893.550 đồng (Trong đó: số tiền án phí của ông T ân là 6.183.875 đồng; số tiền án phí những người thừa kế của ông Lâm Văn B là 709.675 đồng).

Số tiền tạm ứng án phí ông Lâm Văn T đã nộp 19.250.000 đồng theo biên lai thu số 0007229 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được trừ vào số tiền án phí ông T ân phải chịu, ông Lâm Văn T được nhận lại 12.356.450 đồng.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Lâm Văn T đồng ý chịu toàn bộ chi phí do đặc xem xét thẩm định tại chỗ là 5.315.000 đồng (chi phí đo đạc là 4.715.000 đồng; Chi phí định giá là 600.000 đồng) Ông Lâm Văn T đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án (Nhân).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Nhân